

TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 8 năm 2024 về việc
“Tranh chấp hôn N và gia đình”

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm N dân: - Ông Lê Văn Bồng

- Bà Lê Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh

**- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa
tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn N và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Chị Vi Thị N; Sinh năm: 1996.

2. Bị đơn: - Anh Vi Văn Đ; Sinh năm: 1987.

Cùng địa chỉ: Thôn Trung Thành, xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2024 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vi Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn N:

Chị N và anh Vi Văn Đ chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Yên N, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 06/01/2015. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 2 năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên N là do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến hôn N vợ chồng không hạnh phúc, vợ

chồng đã sống ly tH từ tháng 2 năm 2023 đến nay, hiện tại chị N, anh Đ người nào biết người đó không còn quan tâm tới nhau, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn N không đạt được, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Vi Văn Đ.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu Vi Quang T, sinh ngày 15/7/2015 và cháu Vi Gia H, sinh ngày 31/12/2018. Khi ly hôn chị N đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H; giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T; Chị N, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom các con.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập và các văn bản, quyết định tố tụng cho anh Vi Văn Đ nhưng anh Đ không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại Tòa án để tham gia các phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Vi Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn N và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Vi Thị N khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Vi Văn Đ. Đây là tranh chấp về hôn N và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh Vi Văn Đ có nơi cư trú tại thôn Trung Thành, xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Tòa án N dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Vi Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn N*: Nguyên đơn chị Vi Thị N và bị đơn anh Vi Văn Đ chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 06/01/2015 tại UBND xã Yên N, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn N hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên N là do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến hôn N vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ thời điểm tháng 02/2023, chị N và anh Đ đã sống ly tH từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm tới nhau. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp, chứng tỏ anh Đ cũng không tha thiết hòa giải để đoàn tụ gia đình. Nay chị N xét thấy tình cảm giữa chị và anh Đ không còn nên chị N tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Quá trình thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Anh Đ và chị N trong thời gian sinh sống tại địa phương vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh Đ đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn N và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án N dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh Đ là có căn cứ.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị N và anh Đ có Hai con chung là cháu Vi Quang T, sinh ngày 15/7/2015 và cháu Vi Gia H, sinh ngày 31/12/2018. Khi ly hôn chị N đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H; giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T; Chị N, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án đã triệu tập anh Đ để lấy ý kiến về việc tranh chấp nuôi con cũng như tham gia các phiên hòa giải, tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh Đ không có mặt để làm việc và cũng không có văn bản ý kiến trình bày gửi cho Tòa án. Xét thấy cả chị N và anh Đ đều có đủ điều kiện nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục các con đảm bảo tốt về mọi mặt; Nguyên vọng của cháu T là được ở với bố; để không xáo trộn việc sinh hoạt và học tập của các cháu nên khi ly hôn giao cháu T cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu H cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục là phù hợp với yêu cầu của chị N và phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn N và gia đình; Điều 6, Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án N dân tối cao.

- Về tài sản và công nợ chung: Nguyên đơn chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Chị N và anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 luật hôn N và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn N: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị N.

Chị Vi Thị N được ly hôn anh Vi Văn Đ.

2. Về con chung: Chị N, anh Đ có hai con chung là Vi Quang T, sinh ngày 15/7/2015 và Vi Gia H, sinh ngày 31/12/2018. Khi ly hôn giao cháu H cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu T cho anh Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị N, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom các con không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Nguyên đơn chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vi Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006353 ngày 03/4/2024. Số tiền này được trừ vào số tiền án phí mà chị N phải nộp, theo đó chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vi Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Vi Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Yên N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Long